

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI XĂNG DẦU
ĐỒNG THÁP**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



APC VIETNAM

■ Audit ■ Tax ■ Advisory

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Công ty

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp ngày 27 tháng 10 năm 2004. Trong quá trình hoạt động có sự thay đổi về vốn của Công ty đã được chuẩn y tại giấy phép đầu tư số 5103000024 ngày 30 tháng 04 năm 2007, số 5103000024 ngày 17 tháng 01 năm 2008. Do thêm ngành nghề kinh doanh Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 1400475345 ngày 07 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 6 số 1400475345 ngày 06 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần 7 số 1400475345 ngày 25 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở Công ty được đặt tại Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của Công ty là:

- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Mua bán xăng dầu, nhớt

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 98 người (31/12/2011: 98 người).

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Đứng	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Xuân Nữ	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Vượng	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Ông Nguyễn Văn Đứng	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/11/2012)
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2012)
Ông Đặng Thanh Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/11/2012)
Ông Mai An Mỹ	Phó giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2012)

Ban kiểm soát của Công ty cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm các vị như sau:

Ông Phạm Ngọc Huỳnh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Mai An Mỹ	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Hải	Thành viên

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

48995-
CÔNG T
NHIỆM
IỂM TO
VIỆT
TINH
AN TH
U-TP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN VĂN ĐÚNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013

002-C.I.
Y
JUHAN
N
NAM
H
CÁN T



Số: 050/2013/CT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 28 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng dầu Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

CÔNG TY TNHH Kiểm toán AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 28 tháng 03 năm 2013

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0600/KTV

U * H H N Y

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.784.178.782	8.811.708.631
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.105.679.878	4.022.022.224
Tiền	111		5.105.679.878	4.022.022.224
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		6.867.654.386	4.486.188.184
Phải thu khách hàng	131	4.2	6.680.826.564	3.980.935.258
Trả trước cho người bán	132	4.3	144.800.000	185.355.500
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		187.056.600	274.476.600
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		18.027.822	45.420.826
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(163.056.600)	-
Hàng tồn kho	140	4.4	6.195.249	34.943.840
Hàng tồn kho	141		6.195.249	34.943.840
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		804.649.269	268.554.383
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	275.673.269	-
Các khoản thuế phải thu	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.5	528.976.000	268.554.383

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.086.728.813	54.468.536.463
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		46.211.506.620	44.471.479.308
TSCĐ hữu hình	221	4.6	45.845.506.620	44.105.479.308
- Nguyên giá	222		67.694.962.563	61.432.263.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.849.455.943)	(17.326.783.782)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
TSCĐ vô hình	227		366.000.000	366.000.000
- Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.7	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	7.513.399.947	8.308.249.947
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		12.463.976.460	13.258.826.460
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(4.950.576.513)	(4.950.576.513)
Tài sản dài hạn khác	260		2.361.822.246	1.688.807.208
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	2.361.822.246	1.688.807.208
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.870.907.595	63.280.245.094

330044
 C
 TRÁCH
 KI
 AFC
 C
 NH K

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.237.710.473	8.654.617.202
Nợ ngắn hạn	310		7.237.710.473	8.597.265.697
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.10	2.287.335.712	283.657.802
Người mua trả tiền trước	313		130.783.147	3.329.975
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.11	537.587.835	246.089.254
Phải trả người lao động	315		1.222.798.933	1.224.911.867
Chi phí phải trả	316	4.12	441.170.670	71.555.695
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.13	2.309.077.923	6.321.132.838
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		308.956.253	446.588.266
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		-	57.351.505
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.14	-	57.351.505
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.633.197.122	54.625.627.892
Vốn chủ sở hữu	410	4.15	61.633.197.122	54.625.627.892
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.705.100.000	43.705.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		735.528.390	735.528.390
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		4.452.125.333	3.701.552.696
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.384.939.086	2.009.852.767
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.351.092.313	4.469.182.039
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.870.907.595	63.280.245.094

3995-2
ÔNG T
NHIỆM H
KẾ TOÁN
VIỆT
HÀNH
LÃN TH
CỦ - T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại USD		79.788,91	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

clal

Lê Thị Thanh

NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Hoàng Quân

02-C.1
Y
TU HAN
N
NAM
:H
J
CÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	5.1	57.363.505.849	61.744.990.307
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
Doanh thu thuần	10		57.363.505.849	61.744.990.307
Giá vốn hàng bán	11	5.2	18.909.385.150	7.799.619.986
Lợi nhuận gộp	20		38.454.120.699	53.945.370.321
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.284.927.941	927.216.340
Chi phí tài chính	22	5.4	20.720.328	2.426.400.901
- Trong đó: lãi vay	23			220.377.956
Chi phí bán hàng	24		21.476.589.736	36.287.444.124
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.119.237.807	6.943.884.992
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		12.122.500.769	9.214.856.644
Thu nhập khác	31	5.5	493.652.227	744.660.305
Chi phí khác	32			221.939.412
Lợi nhuận khác	40		493.652.227	522.720.893
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.616.152.996	9.737.577.537
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	2.002.305.129	2.235.851.159
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.613.847.867	7.501.726.378
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	2.429	1.717

T.N.H.H
DH

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

clal

Lê Thị Thanh

NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Hoàng Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

KHOẢN MỤC	Mã số	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	01	57.689.469.230	64.842.579.607
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(34.823.988.474)	(47.196.386.425)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.593.802.792)	(4.980.992.909)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	(223.238.695)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.708.227.847)	(74.571.760)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.715.915.587	5.049.521.875
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(7.378.425.603)	(5.520.062.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.900.940.101	11.896.848.699
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(6.262.699.473)	(596.815.078)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Chi tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	794.850.000	890.913.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.284.927.941	914.854.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.182.921.532)	1.208.952.904
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	943.100.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(4.706.084.300)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.634.360.915)	(5.563.015.846)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.634.360.915)	(9.326.000.146)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	1.083.657.654	3.779.801.457
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	60	4.022.022.224	242.220.767
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.105.679.878	4.022.022.224

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

clal

Lê Thị Thanh

NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Hoàng Quân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp ngày 27 tháng 10 năm 2004. Trong quá trình hoạt động có sự thay đổi về vốn của Công ty đã được chuẩn y tại giấy phép đầu tư số 5103000024 ngày 30 tháng 04 năm 2007, số 5103000024 ngày 17 tháng 01 năm 2008. Do thêm ngành nghề kinh doanh Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 1400475345 ngày 07 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 6 số 1400475345 ngày 06 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần 7 số 1400475345 ngày 25 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở Công ty được đặt tại Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của Công ty là:

- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Mua bán xăng dầu, nhớt

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 98 người (31/12/2011: 98 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

8995-

ÔNG T
NHIỆM H
ÊM TOÁ
VIỆT
NHÂN
AN THC

7-TP

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	14
Phương tiện vận tải đường sông	14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

3.8 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không có trích khấu hao.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí mua sắm tàu mới hoàn chưa thành và không được tính khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn trong năm là chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ

3.11 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động và qui chế trả lương của Công Ty.

3.13 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích 2% lương cơ bản đưa vào chi phí và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%

3.14 Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Trong năm 2012 Công ty miễn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ tài chính.

3.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.17 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Đồng Tháp	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận Tải Thành Lược	Đồng Tháp	Nhà đầu tư
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	Cần Thơ	Nhà đầu tư
Công ty CP BMC Đồng Tháp	Đồng Tháp	Nhà đầu tư
Công ty CP Khách Sạn Mỹ Trà	Đồng Tháp	Nhà đầu tư
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư



4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	301.530.850	300.883.300
Tiền gửi ngân hàng	4.804.149.028	3.721.138.924
- VND	3.145.960.205	3.721.138.924
- USD	1.658.188.823	-
	5.105.679.878	4.022.022.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	79.788,91	1.658.188.823
	79.788,91	1.658.188.823
4.2. Phải thu khách hàng		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	5.992.071.712	3.271.021.864
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	688.754.852	709.913.394
	6.680.826.564	3.980.935.258
4.3 Trả trước cho người bán		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	32.000.000	80.300.000
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	112.800.000	105.055.500
	144.800.000	185.355.500
4.4 Hàng tồn kho		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên vật liệu	6.195.249	34.943.840
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.195.249	34.943.840
4.5 Tài sản ngắn hạn khác		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên đi công tác	528.976.000	268.554.383
	528.976.000	268.554.383



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2012	2.215.883.025	59.085.560.694	130.819.371	61.432.263.090
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	6.262.699.473	-	6.262.699.473
Vào ngày 31/12/2012	2.215.883.025	65.348.260.167	130.819.371	67.694.962.563
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2012	106.889.115	17.107.306.670	112.587.997	17.326.783.782
Khấu hao trong 2012	62.693.360	4.444.012.999	15.965.802	4.522.672.161
Vào ngày 31/12/2012	169.582.475	21.551.319.669	128.553.799	21.849.455.943
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2012	2.108.993.910	41.978.254.024	18.231.374	44.105.479.308
Vào ngày 31/12/2012	2.046.300.550	43.796.940.498	2.265.572	45.845.506.620

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2012 có các tài sản có nguyên giá 57.928.461 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

300448
CỔ
TRÁCH
KIẾ
AFC
CH
C
VH KI

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	-	8.653.574.525
Tăng trong năm	6.810.889.337	-
Giảm trong năm	(6.810.889.337)	(8.653.574.525)
Số dư cuối năm	-	-

4.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác	12.463.976.460	13.258.826.460
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(4.950.576.513)	(4.950.576.513)
	7.513.399.947	8.308.249.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin chi tiết về các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty góp vốn đầu tư	31/12/2012			31/12/2011		
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Đồng Tháp	-	-	-	794.850.000	25,00	25,00
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	5.604.000.000	6,03	6,03	5.604.000.000	6,03	6,03
Công ty CP BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	14,06	14,06	2.626.576.460	14,06	14,06
Công ty CP Khách Sạn Mỹ Trà	300.000.000	0,57	0,57	300.000.000	0,57	0,57
Công ty CP Khai Nguyên	3.933.400.000	11,11	11,11	3.933.400.000	11,11	11,11
	12.463.976.460			13.258.826.460		

i. Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.950.576.513	2.925.950.223
Tăng dự phòng trong năm	-	2.024.626.290
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập	-	-
Số dư cuối năm	4.950.576.513	4.950.576.513

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí MeKong theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Số liệu dùng làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn căn cứ và Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí MeKong chưa được kiểm toán.

4.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	2.361.822.246	1.688.807.208
	2.361.822.246	1.688.807.208

4.10 Phải trả người bán

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	419.505.457	-
Phải trả người bán – Bên thứ ba	1.867.830.255	283.657.802
	2.287.335.712	283.657.802

395-0
CÔNG TY
KIỂM HỨ
M TOÁ
VIỆT
NHÂN
AN THO
U-TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.11 Thuế

Thuế GTGT được khấu trừ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	275.673.269	-
	<u>275.673.269</u>	<u>-</u>

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.578.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp	537.587.835	243.510.553
	<u>537.587.835</u>	<u>246.089.254</u>

4.12 Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước chi phí đi Campuchia	441.170.670	71.555.695
	<u>441.170.670</u>	<u>71.555.695</u>

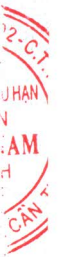
4.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả cổ tức	2.229.077.923	6.241.132.838
Nhận ký quỹ ngắn hạn	80.000.000	80.000.000
	<u>2.309.077.923</u>	<u>6.321.132.838</u>

4.14 Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VND
Số dư đầu năm	57.351.505
Dự phòng lập trong năm	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(57.351.505)
Số dư cuối năm	<u>-</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.15 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	43.705.100.000	166.512.000	735.528.390	2.480.831.490	1.399.492.164	8.337.886.833	56.825.350.877
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	7.501.726.378	7.501.726.378
Trích lập quỹ	-	-	-	1.220.721.206	610.360.603	(1.831.081.809)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.220.721.206)	(1.220.721.206)
Chi thù lao HĐQT&BKS	-	-	-	-	-	(103.200.000)	(103.200.000)
Chi thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(149.500.000)	(149.500.000)
Chi cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(3.496.408.000)	(3.496.408.000)
Tạm trích cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(4.370.510.000)	(4.370.510.000)
Giảm khác	-	(162.100.000)	-	-	-	(199.010.157)	(361.110.157)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	43.705.100.000	4.412.000	735.528.390	3.701.552.696	2.009.852.767	4.469.182.039	54.625.627.892
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.613.847.867	10.613.847.867
Trích lập quỹ	-	-	-	750.572.637	375.086.319	(1.125.658.956)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(750.572.637)	(750.572.637)
Chi thù lao HĐQT&BKS	-	-	-	-	-	(77.400.000)	(77.400.000)
Chi thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)
Trích 6% còn lại cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(2.622.306.000)	(2.622.306.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	43.705.100.000	4.412.000	735.528.390	4.452.125.333	2.384.939.086	10.351.092.313	61.633.197.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	-	-
Giảm vốn cổ phần trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>

4.16 Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 27/04/2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 6.992.816.000VND(1.600VND trên một cổ phiếu)

4.17 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Theo biên bản họp đại hội cổ đông thường niên vào ngày 27/04/2012, Công ty đã trích lập 10% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ Đầu tư và phát triển, quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Quỹ dự phòng tài chính

Theo biên bản họp đại hội cổ đông thường niên vào ngày 27/04/2012, Công ty đã trích lập 5% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính, quỹ này được thành lập nhằm mục đích bù đắp rủi ro về tài chính trong tương lai.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	7.589.023.546
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	56.321.235.849	53.279.955.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.042.270.000	876.010.961
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	57.363.505.849	61.744.990.307

5.2 Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	7.799.619.986
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận chuyển	18.909.385.150	-
	18.909.385.150	7.799.619.986

Năm 2011 giá vốn cung cấp dịch vụ không có do Công ty ghi nhận toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến dịch vụ vận chuyển vào chi phí bán hàng trong năm.

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	35.368.541	33.682.082
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.174.409.400	887.172.900
Lãi bán cổ phần	75.150.000	-
Thu nhập tài chính khác	-	6.361.358
	1.284.927.941	927.216.340

5.4 Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	-	220.377.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.720.328	1.275.838
Chi phí dự phòng các khoản đầu tư	-	638.953.118
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	1.562.933.250
Chi phí tài chính khác	10.000.000	2.860.739
	20.720.328	2.426.400.901

5.5 Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	124.545.455
Thu nhập từ bán phế liệu	18.000.000	32.754.545
Quý dự phòng trợ cấp mất việc làm	29.510.000	33.902.500
Thu hoa hồng	52.670.305	-
Thu nhập khác	393.471.922	553.457.805
	493.652.227	744.660.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.6 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	2012 VND	2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.616.152.996	9.737.577.537
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(1.174.409.400)	(794.172.900)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	93.000.000
- Chi phí không được trừ	-	93.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.174.409.400)	(887.172.900)
- Thu nhập từ cổ tức được chia	(1.174.409.400)	(887.172.900)
Thu nhập tính thuế	11.441.743.596	8.943.404.637
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.860.435.899	2.235.851.159
Thuế TNDN giảm 30% đối với DN vừa và nhỏ	(858.130.770)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.002.305.129	2.235.851.159

5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	20.654.973.872	16.205.805.234
Chi phí nhân công	8.294.780.223	6.952.696.006
Chi phí khấu hao	4.522.672.161	4.420.935.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí khác	13.032.786.437	11.445.016.633
	46.505.212.693	39.024.453.034

1899;
ÔNG
NHIỆM
M.TC
TẾT
NHÀ
V TH
- TP

5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là : 10.613.847.867 VND (2011: 7.501.726.378 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 4.370.510 cổ phiếu (2011: 4.370.510), được tính như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.613.847.867	7.501.726.378
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.613.847.867	7.501.726.378
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.370.510	4.370.510
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.429	1.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-
Phải trả người bán	2.287.335.712	-	2.287.335.712
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.750.248.593	-	2.750.248.593
	5.037.584.305	-	5.037.584.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-
Phải trả người bán	283.657.802	-	283.657.802
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	6.392.688.533	-	6.392.688.533
	6.676.346.335	-	6.676.346.335

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	688.754.852	709.913.394	688.754.852	709.913.394
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.992.071.712	3.271.021.864	5.992.071.712	3.271.021.864
<i>Các khoản phải thu khác</i>	42.027.822	319.897.426	42.027.822	319.897.426
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư dài hạn</i>	7.513.399.947	8.308.249.947	7.513.399.947	8.308.249.947
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5.105.679.878	4.022.022.224	5.105.679.878	4.022.022.224
Tổng cộng	19.341.934.211	16.631.104.855	19.341.934.211	16.631.104.855

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Vay và nợ	-	-	-	-
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	419.505.457	-	419.505.457	-
<i>Phải trả người bán</i>	1.867.830.255	283.657.802	1.867.830.255	283.657.802
<i>Phải trả khác</i>	2.750.248.593	6.392.688.533	2.750.248.593	6.392.688.533
Tổng cộng	5.037.584.305	6.676.346.335	5.037.584.305	6.676.346.335

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Giao dịch với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2012 VND	2011 VND
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Thu cước vận chuyển	44.632.963.579	52.920.507.318
	Chia cổ tức	5.349.494.400	4.012.128.180
	Trả tiền bồi thường hàng thiếu	3.569.571.272	6.792.508.048
	Phải trả tiền thuê tàu	180.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận Tải Thành Lực	Chia cổ tức	140.870.000	423.000.000
	Phải trả tiền thuê tàu	203.276.206	-
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Đồng Tháp	Phải trả thuê sửa chữa tàu	248.205.619	662.200.255
Công ty CP BMC Đồng Tháp	Nhận cổ tức	151.889.400	177.204.300
Công ty CP Khách Sạn Mỹ Trà	Nhận cổ tức	7.500.000	-
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên	Nhận cổ tức	1.000.020.000	483.343.000

Số dư các khoản phải thu/phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2012 VND	2011 VND
Phải thu các bên liên quan			
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Thu cước vận chuyển	5.992.071.712	3.271.021.864
	Ứng trước thuê sửa chữa tàu	32.000.000	80.000.000
Phải trả các bên liên quan			
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Cổ tức	2.229.077.923	6.241.132.838
	Thuê tàu	45.000.000	-
Công ty CP VTXD ĐT Petrolimex	Thuê tàu	171.229.251	-
Công ty TNHH MTM Vận Tải Thành Lực	Thuê tàu	203.276.206	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	2012 VND	2011 VND
Lương và thưởng, thù lao	620.400.000	728.110.000
	<u>640.200.000</u>	<u>728.110.000</u>

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

clal

Lê Thị Thanh

NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Hoàng Quân





AFC VIETNAM - Head Office:
2nd Floor, INDOCHINA Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu Street,
Da Kao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam

AFC VIETNAM - Hanoi Branch:
93/B1 Cau Giay Road,
Quan Hoa Ward,
Cau Giay District,
Hanoi, Vietnam

AFC VIETNAM - Can Tho Branch:
237 A5, 30/4 Road,
Hung Loi Ward,
Ninh Kieu District,
Can Tho City, Vietnam